

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023 THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 05 /10/2023 của UBND tỉnh)*

|           | Kế hoạch số 311/KH-UBND   |                        |   | KẾ HOẠCH 2023  |                               |
|-----------|---|------------------------|---|--|-------------------------------|
| TT        | Nhiệm vụ, giải pháp   | Chủ trì                | Phối hợp                                  | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
| <b>A</b>  | <b>PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ</b>  |                        |   |  |                               |
| <b>I</b>  | <b>Hoàn thiện thể chế</b>   |                        |   |  |                               |
| 1.        | Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực | Sở TT&TT               | Sở ban ngành liên quan;<br>UBND cấp huyện | Căn cứ Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) được Quốc hội thông qua và các văn bản hướng dẫn được ban hành, tham mưu UBND tỉnh các văn bản hướng dẫn thúc đẩy các giao dịch trực tuyến | -                             |
| 2.        | Phối hợp xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực  | Sở ban ngành liên quan | Sở TT&TT;<br>UBND cấp huyện               | Căn cứ các quy chuẩn, tiêu chuẩn được các Bộ, Ngành ban hành, tổ chức hướng dẫn kịp thời đến các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và người dân  | -                             |
| 3.        | Phối hợp xây dựng, báo cáo và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) về công nghệ số   | Sở TT&TT               | Các đơn vị; Sở ban ngành liên quan        | Bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương để có văn bản hướng dẫn kịp thời  | -                             |
| <b>II</b> | <b>Phát triển hạ tầng</b>   |                        |   |  |                               |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |                        |   | KẾ HOẠCH 2023  |   |
|-------------------------|--|------------------------|---|--|---|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì                | Phối hợp  | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có)   |
| 4.                      | Tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch. | Sở ban ngành liên quan | UBND cấp huyện  | Dữ liệu đã được số hóa phục vụ công tác quản lý của các ngành, lĩnh vực và địa phương, thống nhất tập trung lưu trữ tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh  | Phấn đấu ít nhất % cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở (Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 27/9/2023) |
| 5.                      | Tập trung nguồn lực xây dựng phát triển Khu công nghệ thông tin tập trung để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, nhân lực số.   | Trung tâm CNTT tỉnh    | Sở KH&ĐT, Sở TT&TT; Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan | Hỗ trợ, xúc tiến đầu tư các dự án phát triển Khu CNTT tập trung  | -   |
| 6.                      | Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số   | Sở TT&TT               | UBND cấp huyện  | Hạ tầng kết nối số, tỷ lệ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng, số lượng người dùng Internet, nhất là khu vực nông thôn, dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng; mạng lưới truyền thanh thông minh được triển khai mở rộng (Triển khai đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông theo quy định; Thực hiện đầu tư các thiết bị đầu cuối hệ thống truyền thanh thông minh cho các xã, phường, thị trấn. | Ít nhất 70% số hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang                           |
| <b>III</b>              | <b>Phát triển nền tảng số</b>  |                        |   |  |   |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |                        |   | KẾ HOẠCH 2023   |   |
|-------------------------|--|------------------------|---|---|---|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì                | Phối hợp  | Kết quả, sản phẩm   | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có)   |
| 7.                      | Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn tỉnh; nâng cấp nền tảng Hue-S theo hướng cung cấp toàn diện các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp và người dân. | Sở TT&TT               | Sở ban ngành liên quan; UBND cấp huyện; doanh nghiệp triển khai | -Giải pháp Ví điện tử Hue-S, “Mua sắm” và các tiện ích cho người dân và doanh nghiệp.<br>-Nền tảng truyền thông số được xây dựng, vận hành trên môi trường Web, app Hue-S | Ít nhất 70% người dân sử dụng các tiện ích trên nền tảng số Hue-S;<br><br>100% cán bộ công chức viên chức tiếp cận với nền tảng truyền thông số |
| 8.                      | Phối hợp nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh  | Sở TT&TT               | Sở ban ngành liên quan  | Hướng dẫn, tuyên truyền sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh  | -   |
| <b>IV</b>               | <b>Phát triển dữ liệu số</b>   |                        |   |   |   |
| 9.                      | Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh   | Sở TT&TT               | Sở ban ngành; UBND cấp huyện                                    | Mô hình dữ liệu tập trung tại Trung tâm Giám sát, điều hành ĐTTM  | -   |
| <b>V</b>                | <b>Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng</b>   |                        |   |   |   |
| 10.                     | Đảm bảo yêu cầu An toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số   | Sở TT&TT, Công an tỉnh | Sở ban ngành; UBND cấp huyện                                    | Các giải pháp về An toàn thông tin mạng   | 100% các cơ quan nhà nước được phân loại an toàn thông tin theo cấp độ  |
| 11.                     | Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên  | Sở TT&TT;              | Sở ban ngành; UBND cấp  | Hướng dẫn các giải pháp dịch vụ an toàn thông tin mạng đến doanh nghiệp,  | -   |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |   |  | KẾ HOẠCH 2023  |  |
|-------------------------|--|---|--|--|--|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì   | Phối hợp   | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có)                          |
|                         | ngoại giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp   |   | huyện  | tổ chức  |  |
| <b>VI</b>               | <b>Phát triển nhân lực số</b>  |   |  |  |  |
| 12.                     | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông  | Sở GD&ĐT  | UBND cấp huyện, Trung tâm CNTT tỉnh                      | Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM            | Ít nhất 50% các cơ sở giáo dục triển khai Chương trình |
| 13.                     | Mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học; đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, cử nhân, cao đẳng các ngành công nghệ số, kinh tế số và xã hội số   | Sở LĐ-TB & XH; Đại học Huế; các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng | Các đơn vị liên quan                                     | Đề án được phê duyệt (theo chỉ đạo và hướng dẫn của Ngành dọc) | -  |
| 14.                     | Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Thừa Thiên Huế để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới | Sở LĐ, TB&XH; Sở Thông tin và Truyền thông                      | Trung tâm CNTT tỉnh, Hội CNTT&ĐTVT; Các đơn vị liên quan | Báo cáo định kỳ  | -  |
| <b>VII</b>              | <b>Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số</b>  |   |  |  |  |
| 15.                     | Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ   | Sở TT&TT; các cơ sở đào tạo                                     | Các đơn vị liên quan                                     | Các chương trình đào tạo, tập huấn                             | -  |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |          |   | KẾ HOẠCH 2023  |                               |
|-------------------------|--|----------|---|--|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì  | Phối hợp                                  | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
|                         | thông tin và chuyên trách chuyên đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông  |          |   |  |                               |
| 16.                     | Phối hợp xây dựng chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng và nền tảng đánh giá sát hạch kỹ năng số. Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức, và người lao động trong các doanh nghiệp, tiến tới toàn dân và có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số ở các cấp   | Sở TT&TT | Sở ban ngành; UBND cấp huyện              | Chương trình đào tạo, tập huấn và sát hạch               | -                             |
| 17.                     | Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình | Sở TT&TT | Sở ban ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Triển khai rộng khắp thông qua Tổ Công nghệ số cộng đồng | -                             |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |   |                       |  | KẾ HOẠCH 2023  |                               |
|-------------------------|---|-----------------------|--|--|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp   | Chủ trì               | Phối hợp                                     | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
| 18.                     | Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ, tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản.        | Sở TT&TT              | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Hướng dẫn các Tổ Công nghệ số cộng đồng triển khai toàn tỉnh   | -                             |
| <b>VIII</b>             | <b>Phát triển doanh nghiệp số</b>   |                       |  |  |                               |
| 19.                     | Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn                            | Sở KH&ĐT;<br>Sở TT&TT | Hiệp hội DN tỉnh                             | Bộ Chỉ số đo lường theo Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông                       | -                             |
| 20.                     | Xây dựng và triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số | Sở KH&ĐT;<br>Sở TT&TT | Hiệp hội DN tỉnh                             | Đo lường kết quả chuyển đổi số của các doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch số 444/KH-UBND ngày 29/11/2022 | -                             |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |  |                      | KẾ HOẠCH 2023  |   |
|-------------------------|--|--|----------------------|--|---|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì                                | Phối hợp             | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có)   |
|                         | cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số   |  |                      |  |   |
| <b>IX</b>               | <b>Phát triển thanh toán số</b>  |  |                      |  |   |
| 21.                     | Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị | Sở TT&TT;<br>Sở Y tế; Sở GD&ĐT         | Các đơn vị liên quan | Triển khai Ví điện tử Hue-S trong các cơ sở y tế và trường học | 100% các cơ sở y tế và 80% các trường phổ thông sử dụng Ví điện tử Hue-S trong thanh toán |
| <b>B</b>                | <b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC</b>  |  |                      |  |   |
| <b>I</b>                | <b>Phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp và nông thôn</b>   |  |                      |  |   |
| 22.                     | Triển khai các nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tại tỉnh.  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các đơn vị liên quan | Theo Kế hoạch của ngành Nông nghiệp và PTNT                    | -   |
| <b>II</b>               | <b>Phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế</b>   |  |                      |  |   |
| 23.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Y tế chủ trì tại tỉnh.   | Sở Y tế                                | Các đơn vị liên quan | Theo Kế hoạch của ngành Y tế                                   | -   |
| <b>III</b>              | <b>Phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo</b>  |  |                      |  |   |
| 24.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tại tỉnh.  | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | Các đơn vị liên quan | Theo Kế hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo                    | -   |
| <b>IV</b>               | <b>Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội</b>  |  |                      |  |   |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |                                      |  | KẾ HOẠCH 2023   |                               |
|-------------------------|--|--------------------------------------|--|---|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì                              | Phối hợp                                 | Kết quả, sản phẩm   | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
| 25.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội chủ trì tại tỉnh.                 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội  | Các đơn vị liên quan                     | Theo Kế hoạch của ngành Lao động – TB&XH  | -                             |
| <b>V</b>                | <b>Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng lượng</b>   |                                      |  |   |                               |
| <b>V.1</b>              | <b>Thương mại</b>  |                                      |  |   |                               |
| 26.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Công Thương chủ trì tại tỉnh.                                      | Sở Công Thương                       | Các đơn vị liên quan                     | Theo Kế hoạch của ngành Công thương   | -                             |
| 27.                     | Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một doanh nhân | Sở Công Thương                       | Sở TT&TT; Sở NNPTNT; Trung tâm CNTT tỉnh | Các sản phẩm OCOP lên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên nền tảng số Hue-S | -                             |
| <b>V.2</b>              | <b>Công nghiệp và Năng lượng</b>   |                                      |  |   |                               |
| 28.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Công Thương chủ trì tại tỉnh.                                      | Sở Công Thương                       | Các đơn vị liên quan                     | Theo Kế hoạch của ngành Công thương   | -                             |
| <b>VI</b>               | <b>Phát triển kinh tế số văn hóa thể thao du lịch</b>  |                                      |  |   |                               |
| 29.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tại tỉnh.                     | Sở Văn hóa và Thể thao và Sở Du lịch | Các đơn vị liên quan                     | Theo Kế hoạch của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch                              | -                             |
| <b>VII</b>              | <b>Phát triển kinh tế số Tài nguyên và Môi trường</b>  |                                      |  |   |                               |
| 30.                     | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền   | Sở Tài                               |  | Theo Kế hoạch của ngành Tài nguyên  | -                             |



| Kế hoạch số 311/KH-UBND |   |                                    |                      | KẾ HOẠCH 2023   |                               |
|-------------------------|---|------------------------------------|----------------------|---|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp   | Chủ trì                            | Phối hợp             | Kết quả, sản phẩm   | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
|                         | tăng mà Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tại tỉnh.   | nguyên và Môi trường               | Các đơn vị liên quan | và Môi trường   |                               |
| <b>VIII</b>             | <b>Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương</b>  |                                    |                      |   |                               |
| 31.                     | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương  | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở TT&TT             | Kế hoạch Chuyển đổi số từng ngành và từng địa phương năm 2023   | -                             |
| 32.                     | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương  | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở TT&TT             | Nền tảng dữ liệu số chuyên ngành tập trung trên Hue-S   | -                             |
| 33.                     | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở TT&TT             | Các dịch vụ, giải pháp và ứng dụng trên nền tảng số Hue-S   | -                             |
| 34.                     | Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn  | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở TT&TT             | Các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành cho lực lượng lao động theo Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 30/12/2022 | -                             |
| <b>C</b>                | <b>CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ</b>   |                                    |                      |   |                               |
| <b>I</b>                | <b>Tổ chức, bộ máy, mạng lưới</b>   |                                    |                      |   |                               |
| 35.                     | Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt  | Sở TT&TT;                          |                      | Văn bản kiện toàn Ban Chỉ đạo và Kế   | -                             |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |   |                                 |   | KẾ HOẠCH 2023   |                               |
|-------------------------|---|---------------------------------|---|---|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp   | Chủ trì                         | Phối hợp                                  | Kết quả, sản phẩm   | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
|                         | động Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh, của các sở ban ngành, UBND cấp huyện do người đứng đầu làm Trưởng ban.   | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện |   | hoạch hoạt động năm 2023  |                               |
| 36.                     | Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khu phố, thôn  | UBND cấp huyện                  | UBND cấp xã;<br>Sở TT&TT                  | Văn bản kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng   | -                             |
| 37.                     | Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông và các sở ban ngành, UBND cấp huyện phù hợp với nội hàm quản lý, thúc đẩy chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số       | Sở Nội vụ                       | Sở TT&TT; Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện | Văn bản sửa đổi chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức   | -                             |
| 38.                     | Tổ chức, phân công đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện Kế hoạch   | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện |   | Văn bản phân công đơn vị, cá nhân đầu mối về Chuyển đổi số  | -                             |
| <b>II</b>               | <b>Hợp tác trong nước về phát triển kinh tế số, xã hội số</b>   |                                 |   |   |                               |
| 39.                     | Đẩy mạnh hợp tác giữa Sở Thông tin và Truyền thông và từng sở ban ngành liên quan; giữa Sở Thông tin và Truyền thông với các đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan ở trung ương. | Sở TT&TT                        | Các đơn vị liên quan                      | Văn bản thông báo kết quả làm việc giữa Sở Thông tin và Truyền thông với các ngành, địa phương và đơn vị thuộc Bộ TT&TT | -                             |
| 40.                     | Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc  | Sở ban ngành                    | Các đơn vị liên quan                      | Theo Chương trình, Kế hoạch của các Sở, Ngành   | -                             |

|            | Kế hoạch số 311/KH-UBND  |                               |   | KẾ HOẠCH 2023   |                               |
|------------|--|-------------------------------|---|---|-------------------------------|
| TT         | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì                       | Phối hợp  | Kết quả, sản phẩm   | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
|            | nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao  |                               |   |   |                               |
| 41.        | Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số  | Sở ban ngành                  | Hội CNTT&ĐTVT và các đơn vị liên quan                           | Theo Chương trình, Kế hoạch của các Sở, Ngành                             | -                             |
| <b>III</b> | <b>Hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số</b>   |                               |   |   |                               |
| 42.        | Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh   | Sở TT&TT; Trung tâm CNTT tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ, Hội CNTT&ĐTVT và các đơn vị liên quan | Tổ chức Hội nghị, Hội thảo, Hội thi kết nối, thu hút các nguồn lực về CDS | -                             |
| 43.        | Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số  | Sở ban ngành; UBND cấp huyện  | Các đơn vị liên quan  | Tham gia các Diễn đàn, Hội thảo, Triển lãm trong và ngoài nước về CDS     | -                             |
| 44.        | Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên | Sở ban ngành; UBND cấp huyện  | Các đơn vị liên quan  | Theo Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, Ngành Trung ương                  | -                             |
| <b>IV</b>  | <b>Nghiên cứu, phát triển về kinh tế số và xã hội số</b>   |                               |   |   |                               |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |   |   |   | KẾ HOẠCH 2023  |                               |
|-------------------------|---|---|---|--|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp   | Chủ trì   | Phối hợp  | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
| 45.                     | Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số  | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | Sở TT&TT, Trung tâm CNTT tỉnh, Hội CNTT&ĐTVT và các đơn vị liên quan                | Các công nghệ mới, công nghệ mở dựa trên Trí tuệ nhân tạo theo kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 16/4/2021                | -                             |
| 46.                     | Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù của tỉnh  | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | Sở TT&TT, Trung tâm CNTT tỉnh và các đơn vị liên quan                               | Tìm kiếm các giải pháp, công nghệ mới thông qua Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XIII, năm 2023 | -                             |
| 47.                     | Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số ở trong nước và nước ngoài về tỉnh nghiên cứu phát triển, đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp sáng tạo về kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng và kinh doanh trực tuyến trên toàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở TT&TT; Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở KH&ĐT; Sở TT&TT; Viện Nghiên cứu phát triển và các đơn vị liên quan              | Tìm kiếm các ý tưởng mới thông qua Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023                | -                             |
| 48.                     | Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số   | Sở KH&CN  | Sở KH&ĐT; Sở TT&TT; Viện Nghiên cứu phát triển; Đại học Huế và các đơn vị liên quan | Theo các nội dung Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 21/02/2023 triển khai Đề án Cố đô Khởi nghiệp năm 2023                 | --                            |
| <b>V</b>                | <b>Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số</b>  |   |   |  |                               |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |                      |                                 | KẾ HOẠCH 2023  |                               |
|-------------------------|--|----------------------|---------------------------------|--|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì              | Phối hợp                        | Kết quả, sản phẩm  | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
| 49.                     | Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm kinh tế - xã hội  | Sở TT&TT             | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện | Tuần Lễ CDS năm 2023   | -                             |
| 50.                     | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông cấp tỉnh đến cấp xã. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số | Sở TT&TT             | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện | Triển khai Kế hoạch tập huấn về CDS năm 2023   | -                             |
| 51.                     | Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên các kênh có đông khán thính giả      | Sở TT&TT;<br>Đài TRT | Các cơ quan báo chí             | Triển khai tuyên truyền thông qua Hệ thống Thông tin nguồn, các cơ quan báo chí và Truyền thanh thông minh | -                             |
| <b>VI</b>               | <b>Đo lường, giám sát triển khai</b>   |                      |                                 |  |                               |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |  |                                    |   | KẾ HOẠCH 2023   |                               |
|-------------------------|--|------------------------------------|---|---|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp  | Chủ trì                            | Phối hợp  | Kết quả, sản phẩm   | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
| 52.                     | Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này ở cấp độ tỉnh và huyện   | Sở Kế hoạch và Đầu tư;<br>Sở TT&TT | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan | Tổ công tác đánh giá, đo lường Kinh tế số                               | -                             |
| 53.                     | Định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số trong tỉnh  | Sở TT&TT                           | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan | Bộ kết quả Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp Huyện                     | -                             |
| <b>VII</b>              | <b>Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số</b>   |                                    |   |   |                               |
| 54.                     | Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác  | Sở Tài chính;<br>Sở KH&ĐT          | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện                         | Theo Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh năm 2023         | -                             |
| 55.                     | Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện | Sở Tài chính;<br>Sở KH&ĐT          | Sở ban ngành;<br>UBND cấp huyện                         | Triển khai các nội dung theo Kế hoạch Ngân sách và Đầu tư công năm 2023 | -                             |
| 56.                     | Hướng dẫn, ưu tiên chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phân đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số,   | Sở Tài chính;<br>Sở KH&ĐT          | Sở ban ngành;<br>UBND cấp                               | Triển khai các nội dung theo Kế hoạch Ngân sách và Đầu tư công năm 2023 | -                             |

| Kế hoạch số 311/KH-UBND |   |                                     |                          | KẾ HOẠCH 2023   |                               |
|-------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------|---|-------------------------------|
| TT                      | Nhiệm vụ, giải pháp   | Chủ trì                             | Phối hợp                 | Kết quả, sản phẩm                                     | Chỉ tiêu đánh giá<br>(nếu có) |
|                         | phát triển kinh tế số, xã hội số đạt 1% trong tổng chi ngân sách nhà nước   |                                     | huyện                    |   |                               |
| <b>VIII</b>             | <b>Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số</b>  |                                     |                          |   |                               |
| 57.                     | Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số trong tỉnh và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số theo chương trình, kế hoạch của trung ương | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND cấp huyện           | Theo Chương trình, Kế hoạch của ngành Lao động, TB&XH | -                             |
| 58.                     | Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số theo chương trình, kế hoạch của trung ương  | Sở Lao động - TB&XH                 | Sở TT&TT; UBND cấp huyện | Theo Chương trình, Kế hoạch của ngành Lao động, TB&XH | -                             |